ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1221 /QĐ-SYT	*Đồng Nai, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty TNHH Nha khoa Y Đức - Long Thành

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-SYT ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Y tế về việc thành lập Đoàn thẩm định cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa; cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa;

Căn cứ Biên bản thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty TNHH Nha khoa Y Đức - Long Thành ngày 07 tháng 11 năm 2026 của Đoàn thẩm định Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 2794/ĐNAI-GPHĐ đối với:

Tên cơ sở: Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty TNHH Nha khoa Y Đức - Long Thành

Hình thức tổ chức là: Phòng khám răng hàm mặt

Địa chỉ: Số 102 Lê Duẩn, tổ 3, ấp Phước Nguyên, xã An Phước, Thành phố Đồng Nai

Thời gian làm việc hằng ngày: 18 giờ 00 - 21 giờ 30 từ Thứ Hai đến Thứ Sáu; 08 giờ 30 - 21 giờ 30 Thứ Bảy và Chủ Nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh:

Sơ cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt thông thường và 154 kỹ thuật chuyên môn theo quy định tại Thông tư 23/2024/TT-BYT *(Danh mục kỹ thuật chuyên môn kèm theo)*.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai thực hiện đúng các quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế và trong phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt. Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật thì phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác phù hợp để điều trị.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên tại Điều 1 và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục QLKCB - BYT (để báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế (để báo cáo);
- UBND xã An Phước;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV.

(BS. Lâm/11.2026)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT THUỘC CÔNG TY TNHH NHA KHOA Y ĐỨC - LONG THÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đồng Nai).

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	1.53	01. HỒI SỨC CẤP CỨU CHỐNG ĐỘC	Đặt cauyn mũi hầu, miệng hầu
2	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU CHỐNG ĐỘC	Bóng bóp ambu qua mặt nạ
3	16.6	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cấy ghép Implant
4	16.11	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
5	16.31	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật vạt niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính
6	16.33	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
7	16.34	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng
8	16.35	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo túi lợi
9	16.36	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi
10	16.37	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
11	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
12	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
13	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
14	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
15	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
16	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
17	16.44	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
18	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
19	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có xử dụng trâm xoay cầm tay
20	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có xử dụng trâm xoay máy
21	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
22	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit Canxi

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
23	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
24	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
25	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhổ)
26	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
27	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GIC) kết hợp Composite
28	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
29	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GIC)
30	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GIC)
31	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
32	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
33	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veener Composite trực tiếp
34	16.79	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma
35	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy
36	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
37	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng thuốc với thuốc chống ê buốt
38	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thippsc bôi (các loại)
39	16.85	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
40	16.86	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium thường gắn bằng ốc vít trên Implant
41	16.87	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
42	16.88	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
43	16.89	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
44	16.90	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
45	16.91	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
46	16.92	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
47	16.93	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
48	16.94	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium thường gắn bằng ốc vít trên Implant
49	16.95	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
50	16.96	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant
51	16.97	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
52	16.98	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
53	16.99	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
54	16.100	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
55	16.101	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
56	16.102	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trêm Implant
57	16.103	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trêm Implant
58	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
59	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
60	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cẩn nhựa
61	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cẩn sứ
62	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cẩn sứ
63	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
64	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý cẩn sứ
65	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
66	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
67	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
68	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cẩn nhựa
69	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cẩn sứ
70	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu Titanium cẩn nhựa
71	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cẩn sứ
72	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
73	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
74	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
75	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
76	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
77	16.123	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại
78	16.124	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay hợp kim Titanium
79	16.125	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại quý
80	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần
81	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veener Composite gián tiếp
82	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veener sứ toàn phần

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
83	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
84	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
85	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
86	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
87	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
88	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
89	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hở mặt nhai
90	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
91	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
92	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
93	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
94	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
95	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
96	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
97	16.16	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng ngầm
98	16.163	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
99	16.164	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định lưỡi (LA)
100	16.168	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
101	16.169	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
102	16.170	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
103	16.172	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp
104	16.173	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
105	16.177	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng sử dụng khi cụ cố định
106	16.178	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều chỉnh độ nghiêng bằng khí cụ cố định
107	16.180	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
108	16.181	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
109	16.184	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay bằng khí cụ tháo lắp
110	16.185	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
111	16.186	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháp lắp
112	16.188	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng bàng khí cụ tháo lắp
113	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
114	16.195	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng nâng khớp cắn

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
115	16.196	16. RĂNG HÀM MẶT	Mài chỉnh khớp cắn
116	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
117	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
118	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
119	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
120	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
121	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
122	16.215	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
123	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
124	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlessIonomer Cement quang trùng hợp
125	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
126	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
127	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
128	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh GlessIonomer Cement
129	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chấn với GlessIonomer Cement
130	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
131	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng bằng máng có Gel Fluor
132	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
133	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
134	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
135	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
136	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
137	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassionomer Cement
138	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
139	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
140	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
141	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
142	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
143	BS_16.349	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng 1 thì
144	BS_16.352	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hình tức thì trên Implant
145	BS_16.353	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng không sang chấn để cấy ghép Implant tức thì
146	BS_16.356	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo Implant bị gãy trong xương
147	BS_16.359	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo vít liên kết Implant bị gãy
148	BS_16.360	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp trên Implant
149	BS_16.361	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu trên Implant

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
150	BS_16.362	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa chữa phục hình sứ trên Implant bị vỡ
151	BS_16.363	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa chữa phục hình Implant bị hở tiếp xúc
152	BS_16.364	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị hở vết thương sau cấy ghép Implant
153	BS_16.365	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh Implant
154	BS_16.379	16. RĂNG HÀM MẶT	Hướng dẫn, tập huấn phụ huynh, giáo viên, người chăm soc trẻ tham gia việc trị liệu cho trẻ

** Tổng số kỹ thuật chuyên môn được phê duyệt: 154 kỹ thuật.*